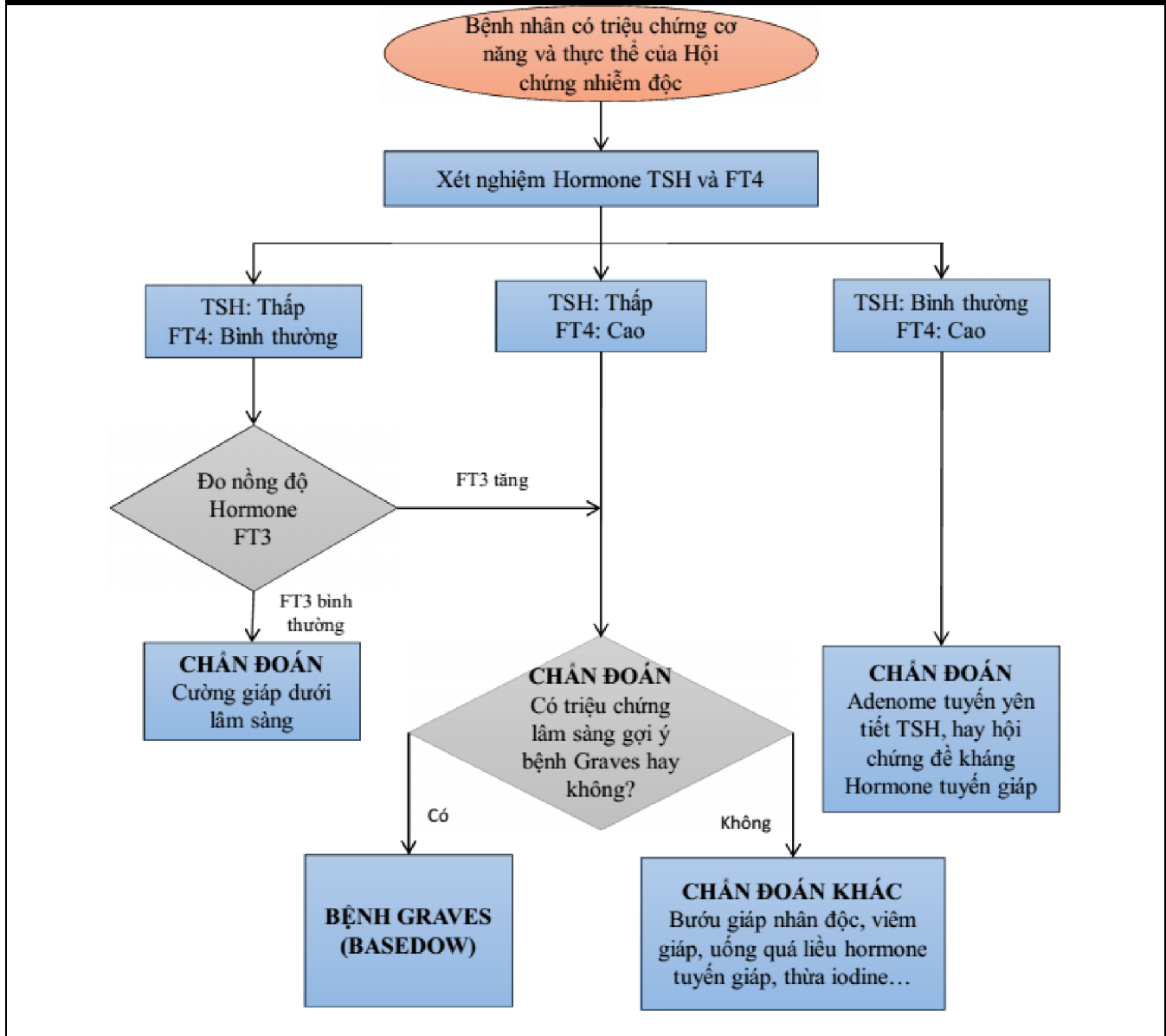


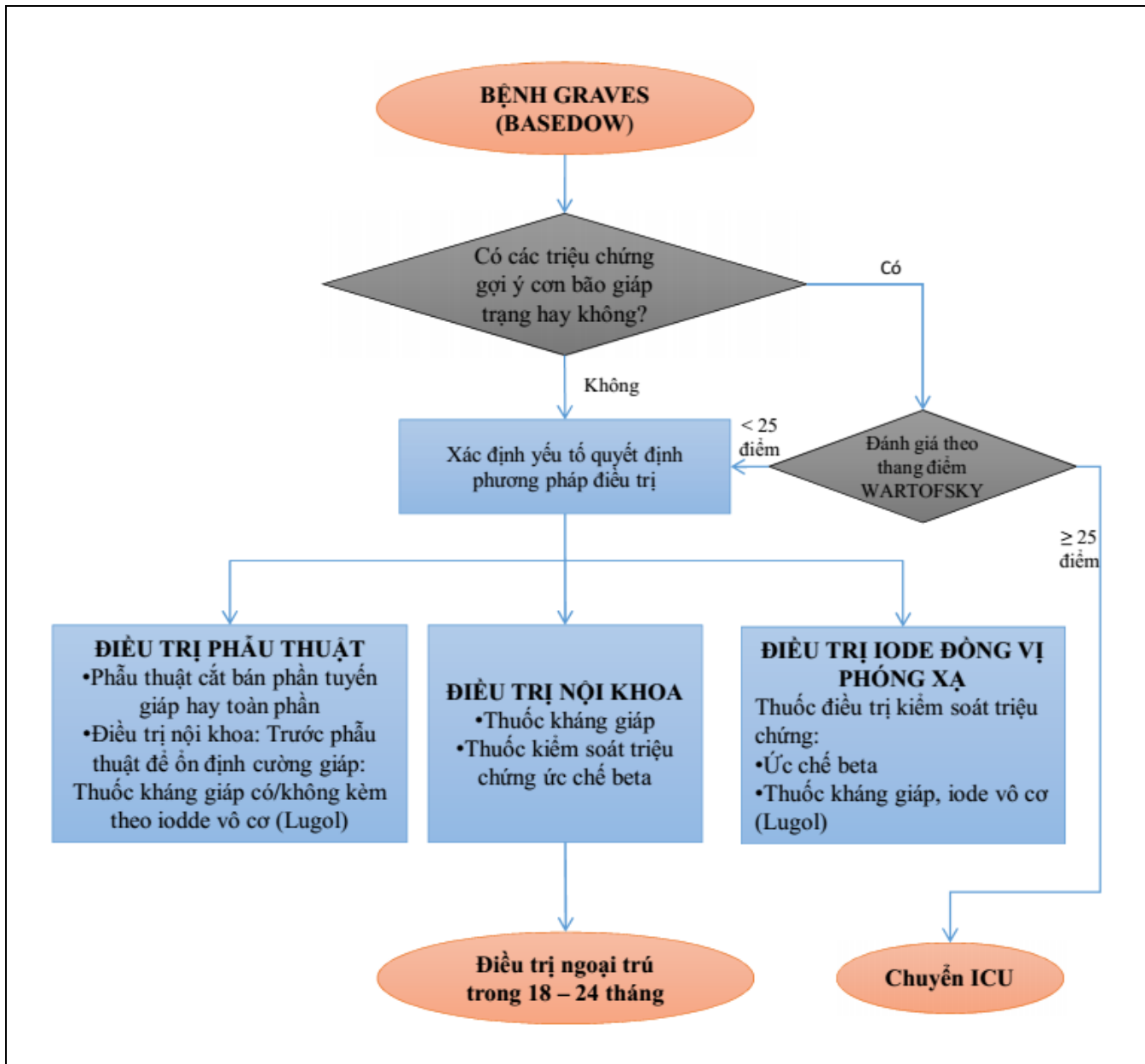
<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Logo </div> <p style="text-align: center; font-weight: bold; margin-top: 10px;"> QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN ĐIỀU TRỊ NỘI KHOA BASEDOW </p>	Họ và tên BN: Ngày sinh: Giới: Địa chỉ: Số phòng: Số giường: Mã BN/Số HSBA:
--	---

Lưu ý: Đánh dấu sự lựa chọn (“✓” : có/ “X” : không) vào ô . Khoang tròn ○ nếu lựa chọn nội dung;
 (X) xem thêm chi tiết nội dung trong phụ lục x tương ứng.

1. ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI VÀO QUY TRÌNH	
Tiêu chuẩn đưa vào:	<input type="checkbox"/> Triệu chứng nhiễm độc giáp <input type="checkbox"/> Bướu giáp to, lan tỏa <input type="checkbox"/> Ft4 tăng, TSH giảm
Tiêu chuẩn loại ra:	<input type="checkbox"/> Điểm Wartofsky > 24 <input type="checkbox"/> Bệnh nhân muốn phẫu thuật <input type="checkbox"/> Bệnh nhân muốn điều trị iode phóng xạ <input type="checkbox"/> Giảm bạch cầu hạt <input type="checkbox"/> Bướu giáp lớn <input type="checkbox"/> Nghi ngờ ung thư <input type="checkbox"/> Đã từng thất bại với điều trị Nội khoa
Tiền sử:	<input type="checkbox"/> Tiền sử dị ứng Ghi rõ:

2. QUY TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ





3. NGUYÊN TẮC CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ

Nguyên tắc điều trị

1. Kiểm soát triệu chứng cường giáp
2. Đưa tình trạng bệnh về bình giáp
3. Phòng ngừa cơn bão giáp trạng
4. Phòng ngừa các biến chứng do điều trị

4. NGUY CƠ BỊ BÃO GIÁP

■ Có

■ Không

ĐIỂM WARTOFSKY (Phụ lục 1)	Xử trí
< 25 điểm	<input type="checkbox"/> Ít có nguy cơ bị bão giáp
25 – 44 điểm	<input type="checkbox"/> Có khả năng bị bão giáp, cần theo dõi, điều trị nội khoa tích cực
≥ 44 điểm	<input type="checkbox"/> Có khả năng cao bị bão giáp -> Chuyển ICU điều trị tích cực

5. CHẨN ĐOÁN BỆNH GRAVES (BASEDOW)		
Triệu chứng nhiễm độc giáp trạng		Triệu chứng gợi ý Basedow
<input type="checkbox"/> Tăng động, dễ kích thích, mất ngủ <input type="checkbox"/> Đổ mồ hôi, không chịu được nóng <input type="checkbox"/> Hồi hộp <input type="checkbox"/> Yếu, mệt mỏi <input type="checkbox"/> Sụt cân dù là ăn nhiều, tăng cân nghịch thường có thể xảy ra <input type="checkbox"/> Tiêu chảy, tiêu phân có mỡ, uống nhiều <input type="checkbox"/> Giảm ham muốn tình dục, thiếu kinh ở nữ <input type="checkbox"/> Nhịp nhanh xoang, rung nhĩ trên bệnh nhân lớn tuổi <input type="checkbox"/> Run tay <input type="checkbox"/> Có bướu cổ <input type="checkbox"/> Co kéo mi trên <input type="checkbox"/> Yếu cơ, teo cơ		<input type="checkbox"/> Lồi mắt <input type="checkbox"/> Phù niêm trước xương chày <input type="checkbox"/> Ngón tay dùi trống <input type="checkbox"/> Bướu giáp lan toả, <input type="checkbox"/> Nghe có âm thổi tâm thu, sờ thấy rung miu trên tuyến giáp <input type="checkbox"/> Yếu liệt 2 chân
CẬN LÂM SÀNG CHẨN ĐOÁN NHIỄM ĐỘC GIÁP TRẠNG	CẬN LÂM SÀNG GỢI Ý CHẨN ĐOÁN BASEDOW	CẬN LÂM SÀNG KHÁC
<input type="checkbox"/> FT4: cao <input type="checkbox"/> FT3: tăng <input type="checkbox"/> TSH: thấp	<input type="checkbox"/> Kháng thể Kích thích tuyến giáp TSAb: (thyroid-stimulating antibody (TSAb) <input type="checkbox"/> Kháng thể kháng Thyroid Peroxidase (TPO Ab) <input type="checkbox"/> Kháng thể kháng Thyroglobulin (Tg Ab) <input type="checkbox"/> Kháng thể kháng thụ thể TSH (TrAb)	<input type="checkbox"/> Siêu âm doppler tuyến giáp <input type="checkbox"/> Xạ hình tuyến giáp <input type="checkbox"/> Đo điện tâm đồ <input type="checkbox"/> Khác:.....
Tổn thương cơ quan đích		
Não	Tim	Mắt
<input type="checkbox"/> Kích động <input type="checkbox"/> Lú lẫn <input type="checkbox"/> Mơ <input type="checkbox"/> Hôn mê	<input type="checkbox"/> Rung nhĩ <input type="checkbox"/> Nhịp nhanh <input type="checkbox"/> Suy tim <input type="checkbox"/> Ngoại tâm thu	<input type="checkbox"/> Co kéo cơ mi trên <input type="checkbox"/> Lồi mắt <input type="checkbox"/> Rối loạn vận nhãn <input type="checkbox"/> Phù giác mạc <input type="checkbox"/> Mất thị lực

6. DIỄN TIẾN BỆNH VÀ XỬ TRÍ						
DẤU HIỆU		N1	N2	N3	Nn
Lâm sàng	Tăng động, dễ kích thích, mất ngủ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Sốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Đồ mồ hôi, không chịu được nóng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Hồi hộp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Yếu, mệt mỏi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Sụt cân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Tiêu chảy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Nhịp nhanh xoang,	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Rung nhĩ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Run tay	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Có bướu cổ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Co kéo mi trên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Liệt 2 chi dưới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Yếu cơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cận lâm sàng	FT4	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	FT3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	TSH	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	ECG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Siêu âm tuyến giáp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Tổng phân tích tế bào máu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	GOT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	GPT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Xạ hình tuyến giáp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	TSAb	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	TPO Ab	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Tg Ab	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	TRAb	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điều trị	Kháng giáp tổng hợp (PHỤ LỤC 3)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Ức chế beta (PHỤ LỤC 4)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Thuốc iode vô cơ (PHỤ LỤC 5)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chăm sóc	Chăm sóc cấp 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Chăm sóc cấp 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Chăm sóc cấp 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7. XUẤT VIỆN		
Tiêu chuẩn xuất viện	<input type="checkbox"/> Nhịp tim < 100 lần/ phút <input type="checkbox"/> Không dấu hiệu suy tim	<input type="checkbox"/> Hết sốt <input type="checkbox"/> Điểm Wartofsky < 25 điểm
Hướng điều trị tiếp theo	<input type="checkbox"/> Hướng điều trị Nội khoa tiếp tục đủ 24 tháng <input type="checkbox"/> Tuân thủ chế độ ăn cỡ muối iode	Số ngày điều trị:

8. QUẢN LÝ VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN
<input type="checkbox"/> Tái khám mỗi 1-2 tháng, trong 2 năm <input type="checkbox"/> Sau đó, tái khám mỗi năm để đánh giá tái phát <input type="checkbox"/> Hướng dẫn bệnh nhân cỡ muối Iode <input type="checkbox"/> Hướng dẫn bệnh nhân: khi có triệu chứng: sốt, đau họng... tái khám ngay để phát hiện những trường hợp giảm bạch hạt khi đang điều trị thuốc kháng giáp tổng hợp <input type="checkbox"/> Tư vấn phụ nữ cần tái khám ngay khi muốn mang thai hay phát hiện mang thai khi đang uống thuốc kháng giáp

9. PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1: THANG ĐIỂM WARSTOFKY**

Triệu chứng	Điểm
Rối loạn điều hòa nhiệt độ	
<i>Nhiệt độ:</i>	
37,2-37,7°C	5
37,8-38,2°C	10
38,3-38,8 °C	15
38,9-39,4 °C	20
39,5-39,9 °C	25
≥ 40°C	30
Ảnh hưởng thần kinh trung ương	
Không có	0
Nhẹ: Kích động	10
Trung bình: Nói sảng, rối loạn tâm thần, lừ đừ	20
Nặng: Co giật hoặc hôn mê	30
Rối loạn tiêu hóa/ chức năng gan	
Không có	0
Trung bình: Tiêu chảy, ói, buồn ói, đau bụng	10
Nặng: vàng da không giải thích được	20
Rối loạn chức năng tim mạch	
<i>Tim đập nhanh</i>	
90-109 nhịp/phút	5
110-119	10
120-129	15
130-139	20
≥ 140	25
<i>Suy tim</i>	
Không có	0
Nhẹ :phù cổ chân	5
Trung bình: Ran 2 bên phổi	10
Nặng: phù phổi	15
<i>Rung nhĩ</i>	
Không	0
Có	10
Yếu tố thúc đẩy	
Không có	0
Có	10

Tổng số điểm:

- + < 25: ít có khả năng bị cơn bão giáp
- + 25-44: có khả năng là cơn bão giáp
- + > 45 : rất nhiều khả năng là cơn bão giáp

PHỤ LỤC 2: ĐIỀU TRỊ NỘI KHOA BỆNH GRAVES (BASEDOW)**Lựa chọn bệnh nhân:**

- Là lựa chọn hàng đầu cho bệnh nhân < 50 tuổi, phụ nữ mang thai, trẻ em
- Hiệu quả: 30-40% trường hợp đạt bình giáp sau điều trị
- Khả năng hết bệnh xảy ra trên những trường hợp bệnh nhẹ, bướu giáp nhỏ
- Nếu tái phát, có thể phải điều trị lại đợt thứ 2
- 10-15% bệnh nhân bị suy giáp sau điều trị
- Thường mất 2-3 tuần để kiểm soát triệu chứng, có thể sử dụng thuốc ức chế beta để kiểm soát triệu chứng trong thời gian này

Thuốc điều trị:

- Nhóm Carbimazole và Methimazole được ưa thích hơn nhóm Propylthiouracil (PTU) do ít độc trên gan hơn
- Nhóm Propylthiouracil (PTU): được ưu tiên lựa chọn cho trường hợp mang thai 3 tháng đầu, cho con bú, trong nhiễm độc giáp trạng nặng hay cơn bão giáp trạng
- Nhóm ức chế beta: giảm triệu chứng nhiễm độc giáp trạng
- Nhóm iode vô cơ: giảm phóng thích hormon giáp

PHỤ LỤC 3 : THUỐC KHÁNG GIÁP TỔNG HỢP		
Thuốc	Liều	Ghi chú
Carbimazole	Chỉnh liều: Liều khởi đầu: 15-60 mg/ngày chia làm 1-2 lần. Giảm liều khi bệnh nhân bình giáp Liều duy trì: 5-15mg/ngày trong 18 tháng Cách điều trị khác: (Block-replace) 20-60mg/ngày phối hợp với Levothyroxine 50-150mcg/ngày trong 18 tháng	Hai phương pháp: chỉnh liều hay Block-replace đều cho hiệu quả như nhau Levothyroxine được thêm vào sau 3-6 tuần điều trị thuốc kháng giáp. Chỉnh liều Levothyroxine để duy trì bình giáp Tác dụng phụ: <ul style="list-style-type: none"> • Tác dụng phụ trên đường tiêu hoá • Phát ban, mề đay, sốt, đau khớp • Giảm bạch cầu hạt có thể xảy ra <1% bệnh nhân • Hiếm hơn: viêm gan, hội chứng giống Lupus ban đỏ hệ thống • Đa số xảy ra trong 2 tháng đầu tiên điều trị • PTU có nguy cơ gây viêm gan hay tổn thương gan không triệu chứng cao hơn nhóm thuốc khác. • Hướng dẫn khác: <ul style="list-style-type: none"> - Liều thuốc kháng giáp tùy thuộc vào đáp ứng của từng bệnh nhân và kích thước bướu giáp - Hướng dẫn bệnh nhân các triệu chứng phát hiện giảm bạch cầu hạt: đau họng, sốt... - Nếu nghi ngờ giảm bạch cầu hạt, phải ngưng thuốc kháng giáp cho đến khi kết quả xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu loại trừ giảm bạch cầu hạt.
Thiamazole (Methimazole)	Liều khởi đầu: <ul style="list-style-type: none"> • Nhẹ: 15 mg/ngày • Trung bình: 30-40mg/ngày • Nặng, đặc biệt bướu giáp lớn: 60 mg/ngày Thuốc uống, chia làm 1-2 lần/ ngày Khi bình giáp, giảm liều dần Liều duy trì: 5-15mg/ngày	
Propylthiouracil (PTU)	Chỉnh liều: Liều khởi đầu: 150-600mg/ngày chia làm 3 lần, uống Giảm liều khi bệnh nhân bình giáp Liều duy trì: 50-200 mg/ngày uống trong 18 tháng	
PHỤ LỤC 4: THUỐC ỨC CHẾ BETA		
Thuốc	Liều	Ghi chú
Atenolol	25-50 mg/ngày	Có thể được sử dụng để điều trị triệu chứng cường giao cảm trước khi thuốc kháng giáp có tác dụng Tác dụng phụ: Mệt mỏi, nhịp chậm, hạ huyết áp, suy tim, block nhánh trong một số bệnh nhân có bệnh lý tim mạch từ trước Co thắt phế quản, rối loạn tiêu hoá Hướng dẫn: Liều cao có thể cần thiết trong cường giáp Giảm liều dần và ngưng khi triệu chứng cường giáp giảm
Propranolol	Nhiễm độc giáp trạng: 10-40mg uống x 3-4 lần/ ngày	

PHỤ LỤC 5: THUỐC IODE VÔ CƠ		
Thuốc	Liều	Ghi chú
Potassium Iodide (KI)	<p>Trước phẫu thuật: 60-250 mg uống x 3 lần/ ngày Trong 7 -10 ngày</p> <p>Con bão giáp trạng: 50-100 mg uống x2 lần/ ngày. Bắt đầu sau khi uống thuốc kháng giáp 1 giờ</p>	<p>Tác dụng phụ: Phát ban, sung tuyến nước bọt, vị kim loại, đau răng hay nướu, dị ứng</p> <p>Hướng dẫn khác: Pha dung dịch Lugol với sữa, nước hay nước trái cây để giảm triệu chứng khó chịu ở đường tiêu hoá</p>
Dung dịch Lugol 5%	<p>Trước phẫu thuật: uống 5-10 giọt x 3 lần Trong 7-10 ngày</p> <p>Con bão giáp trạng: 10 giọt mỗi 8 giờ. Bắt đầu sau khi uống thuốc kháng giáp 1 giờ</p>	